

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phùng Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Hoan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2010)
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Trần Đức Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ôn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Số: 2011/Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 7 đến trang 15.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.653.026.670	138.312.060.127
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	68.288.441.171	111.974.112.465
1. Tiền	111		13.288.441.171	7.328.717.465
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	104.645.395.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		85.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.900.269.728	19.878.449.220
1. Phải thu khách hàng	131		45.419.179.468	19.558.364.551
2. Trả trước cho người bán	132		1.027.957.360	211.067.200
3. Các khoản phải thu khác	135		1.453.132.900	109.017.469
IV. Hàng tồn kho	140	6	14.271.412.519	5.821.507.590
1. Hàng tồn kho	141		14.271.412.519	5.821.507.590
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.192.903.252	637.990.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.156.151.252	381.850.852
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		36.752.000	256.140.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		251.200.817.351	104.600.177.142
I. Tài sản cố định	220		210.106.794.454	101.081.578.970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	209.942.904.131	100.838.645.370
- Nguyên giá	222		267.018.005.020	132.900.198.254
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.075.100.889)	(32.061.552.884)
2. Tài sản cố định vô hình	227		93.890.323	-
- Nguyên giá	228		136.080.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.189.677)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		70.000.000	242.933.600
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.425.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		34.425.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.669.022.897	3.518.598.172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	5.799.022.897	3.518.598.172
2. Tài sản dài hạn khác	268		870.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		467.853.844.021	242.912.237.269

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 15 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	
			31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		127.372.840.475	24.405.837.115
I. Nợ ngắn hạn	310		54.909.807.136	24.285.429.490
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	13.793.314.286	-
2. Phải trả người bán	312		30.171.118.284	8.476.818.313
3. Người mua trả tiền trước	313		-	3.511.010.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	5.020.700.859	7.777.190.656
5. Phải trả người lao động	315		4.411.695.370	2.712.727.936
6. Chi phí phải trả	316		126.750.000	59.273.600
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		405.326.914	115.576.418
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		980.901.423	1.632.832.567
II. Nợ dài hạn	330		72.463.033.339	120.407.625
1. Vay và nợ dài hạn	334	10	72.347.285.714	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		115.747.625	120.407.625
B. NGUỒN VỐN	400		340.481.003.546	218.506.400.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	340.481.003.546	218.506.400.154
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	184.051.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	602.097.046
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.809.491.423	5.173.922.567
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.404.745.712	2.586.961.285
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.266.766.411	26.092.419.256
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		467.853.844.021	242.912.237.269

Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thế Dân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 15 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		377.097.035.318	205.312.223.180
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		377.097.035.318	205.312.223.180
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(320.376.862.438)	(157.680.196.882)
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		56.720.172.880	47.632.026.298
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	11.373.663.874	6.855.199.280
6. Chi phí tài chính	22	13	(6.490.374.722)	(56.853.256)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(4.609.579.728)</i>	
7. Chi phí bán hàng	24		(1.165.532.582)	(1.725.690.541)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(15.051.748.272)	(10.872.374.139)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.386.181.178	41.832.307.640
10. Thu nhập khác	31		4.196.197.048	329.672.760
11. Chi phí khác	32		(709.792.580)	
12. Lợi nhuận khác	40	14	3.486.404.468	329.672.760
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.872.585.646	42.161.980.400
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	(12.516.897.083)	(7.412.996.570)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		36.355.688.563	34.748.983.830
16. Lãi trên cổ phiếu	70	16	1.899	1.860

Nguyễn Ngọc Anh
Tông Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thế Dân
Kê toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 15 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**MẪU SỐ B 03-DN**
Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.872.585.646	42.161.980.407
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.055.737.682	16.359.255.291
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.848.124.344	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.527.809.148)	(6.712.735.906)
Chi phí lãi vay	06	4.609.579.728	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	71.858.218.252	51.808.499.792
Tăng các khoản phải thu	09	(28.630.692.908)	(9.860.505.359)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(8.449.904.929)	1.095.624.836
Tăng các khoản phải trả	11	21.284.234.465	5.114.913.449
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(3.150.424.725)	3.865.060.160
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.609.579.728)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16.320.025.644)	(3.207.993.190)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.587.500.000)	(3.741.090.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.394.324.783	45.074.509.688
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(134.080.953.166)	(5.260.237.700)
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(85.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	-	4.929.400.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34.425.000.000)	-
6. Thu lãi tiền gửi	27	8.527.809.148	6.712.735.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(244.978.144.018)	6.381.898.206
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	115.949.000.000	51.000.000
2. Tiền vay dài hạn nhận được	33	84.370.540.000	-
3. Cổ tức đã trả	36	(25.792.419.269)	(12.512.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	174.527.120.731	(12.461.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(43.056.698.504)	38.995.407.894
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	111.974.112.465	72.376.607.525
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(628.972.790)	602.097.046
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	68.288.441.171	111.974.112.465

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2011Nguyễn Thế Dân
Kế toán trưởng*Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 15 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 137 người (2009:125 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có). Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Trong năm 2010, Công ty quyết định thay đổi chính sách kế toán về hạch toán chênh lệch tỷ theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Việc thay đổi chính sách kế toán không làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 <u>VNĐ</u>	31/12/2009 <u>VNĐ</u>
Tiền mặt	31.680.104	698.595.912
Tiền gửi ngân hàng	13.256.761.067	6.630.121.553
Các khoản tương đương tiền	<u>55.000.000.000</u>	<u>104.645.395.000</u>
	<u>68.288.441.171</u>	<u>111.974.112.465</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng trở xuống với lãi suất hàng năm được hưởng từ 11% đến 12%.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 <u>VNĐ</u>	31/12/2009 <u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	14.216.216.834	5.821.507.590
Công cụ dụng cụ	<u>55.195.685</u>	-
	<u>14.271.412.519</u>	<u>5.821.507.590</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2010	167.803.510	441.625.021	132.290.769.723	132.900.198.254
Tăng trong năm	764.650.000	175.432.800	133.177.723.966	134.117.806.766
Tại ngày 31/12/2010	<u>932.453.510</u>	<u>617.057.821</u>	<u>265.468.493.689</u>	<u>267.018.005.020</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2010	55.682.723	149.166.071	31.856.704.090	32.061.552.884
Khấu hao trong năm	205.768.736	167.999.446	24.639.779.823	25.013.548.005
Tại ngày 31/12/2010	<u>261.451.459</u>	<u>317.165.517</u>	<u>56.496.483.913</u>	<u>57.075.100.889</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	<u>671.002.051</u>	<u>299.892.304</u>	<u>208.972.009.776</u>	<u>209.942.904.131</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>112.120.787</u>	<u>292.458.950</u>	<u>100.434.065.633</u>	<u>100.838.645.370</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp một phương tiện vận chuyển với nguyên giá là 133.096.847.966 đồng làm đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2010 <u>VNĐ</u>	2009 <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	3.518.598.172	7.383.658.332
Tăng	6.905.687.300	199.365.889
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.625.262.575)	(4.064.426.049)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>5.799.022.897</u>	<u>3.518.598.172</u>

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 <u>VNĐ</u>	31/12/2009 <u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.609.868.009	7.412.996.570
Thuế thu nhập cá nhân	1.363.654.226	40.498.936
Các khoản khác	47.178.624	323.695.150
	<u>5.020.700.859</u>	<u>7.777.190.656</u>

10. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512.000 đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng lãi suất tiết kiệm bằng đô la Mỹ của cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân của bốn ngân hàng tham khảo và PVFC cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã giải ngân 4.550.000 đô la Mỹ.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 <u>VNĐ</u>	31/12/2009 <u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	13.252.400.000	-
Trong năm thứ hai	13.252.400.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	39.757.200.000	-
Sau năm năm	19.878.600.000	-
	<u>86.140.600.000</u>	<u>-</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	13.793.314.286	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>72.347.285.714</u>	<u>-</u>

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010		31/12/2009	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>18.405.100</u>	<u>184.051.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	218.324.000.000	72,8	70.000.000.000	38,0
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	51.600.000.000	17,2	40.000.000.000	34,8
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	-	-	64.000.000.000	21,7
Cổ đông khác	30.076.000.000	10,0	10.051.000.000	5,4
	<u>300.000.000.000</u>		<u>184.051.000.000</u>	

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2009	184.000.000.000	-	-	-	16.990.241.837	200.990.241.837
Vốn đã góp	51.000.000	-	-	-	-	51.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.748.983.838	34.748.983.838
Chênh lệch tỷ giá	-	602.097.046	-	-	-	602.097.046
Phân phối các quỹ	-	-	5.173.922.567	2.586.961.285	(7.760.883.852)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.373.922.567)	(5.373.922.567)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.512.000.000)	(12.512.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2009	184.051.000.000	602.097.046	5.173.922.567	2.586.961.285	26.092.419.256	218.506.400.154
Vốn đã góp	115.949.000.000	-	-	-	-	115.949.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.355.688.563	36.355.688.563
Chênh lệch tỷ giá	-	(602.097.046)	-	-	-	(602.097.046)
Phân phối các quỹ	-	-	3.635.568.856	1.817.784.427	(5.453.353.283)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.935.568.856)	(3.935.568.856)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.792.419.269)	(25.792.419.269)
Số dư tại ngày 31/12/2010	300.000.000.000	-	8.809.491.423	4.404.745.712	27.266.766.411	340.481.003.546

Tại Nghị quyết ngày 2 tháng 1 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2009 đã thống nhất gia hạn thời gian góp vốn cho các cổ đông chưa góp đủ phần vốn đã đăng ký. Các cổ đông đã hoàn tất việc góp đủ vốn tại ngày 24 tháng 12 năm 2010.

Tại Nghị quyết ngày 12 tháng 5 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 với số tiền là 25.792.419.269 đồng (2008: 12.512.000.000) Công ty cũng đã trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2010 với số tiền lần lượt là 3.635.568.856 đồng, 1.817.784.427 đồng, 3.935.568.856 đồng theo Điều lệ Công ty.

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi	8.527.809.148	6.712.735.906
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.845.854.726	142.463.375
	<u>11.373.663.874</u>	<u>6.855.199.281</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	4.609.579.728	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.846.235.744	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	56.853.256
Chi phí khác	34.559.250	-
	<u>6.490.374.722</u>	<u>56.853.256</u>

14. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thu tiền phạt	1.258.408.194	329.672.765
Hàng tồn kho dư do kiểm kê	2.883.310.980	-
Thu khác	54.477.874	-
Thu nhập khác	4.196.197.048	329.672.765
Chi phí khác	(709.792.580)	-
Lợi nhuận khác	<u>3.486.404.468</u>	<u>329.672.765</u>

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	48.872.585.646	42.161.980.408
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.195.002.685	198.000.000
Thu nhập chịu thuế	50.067.588.331	42.359.995.102
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>12.516.897.083</u>	<u>10.589.995.102</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm	-	(3.176.998.532)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>12.516.897.083</u>	<u>7.412.996.570</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trong năm	36.355.688.563	34.748.983.838
Điều chỉnh: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.935.568.856)	(5.373.922.567)
Lợi nhuận dùng để chia cho cổ đông	32.420.119.707	29.375.061.271
Số cổ phần bình quân gia quyền	19.140.032	18.660.641
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.694</u>	<u>1.574</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.492.389.355</u>	<u>908.640.000</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.489.555.610	908.640.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>6.064.722.317</u>	-
	<u>9.554.277.926</u>	<u>908.640.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc kho tại 12AB Thanh Đa, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 11 tháng 11 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuê văn phòng tại lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 8 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013.

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Cho thuê tài		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	<u>135.571.168.988</u>	<u>40.171.319.925</u>
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>34.425.000.000</u>	-
Góp vốn trong năm		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	104.324.000.000	-
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	<u>11.600.000.000</u>	-
Chia cổ tức trong năm		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.809.614.000	4.760.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	8.968.790.000	4.352.000.000
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	5.605.494.000	2.720.000.000
Cổ đông khác	<u>1,408,521,269</u>	<u>680.000.000</u>

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Lương	2.242.996.752	1.724.815.475
Tiền thưởng	<u>1.044.831.164</u>	<u>328.800.000</u>
	<u>3.287.827.915</u>	<u>2.053.615.475</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	<u>39.833.905.769</u>	<u>16.224.699.911</u>

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ 18.932 đồng/dô la Mỹ lên 20.693 đồng/dô la Mỹ, tương ứng tăng 9,3%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động của Công ty vì giá cước dịch vụ của Công ty cũng được xác định bằng đô la Mỹ.

Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thế Dân
 Kế toán trưởng